

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2026/HS-ST
Ngày: 30-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Trần Văn Hồ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hiền Mụi – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Trần Thu T, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2003, tại tỉnh Vĩnh Long; Số CCCD: 083303008326, cấp ngày 17/02/2023, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính - trật tự xã hội; Nơi cư trú: Số A, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; T: Không; Q: Việt Nam; Con ông không rõ họ tên và bà Trần Thị T1 (chết); Bị cáo chưa có chồng, có 01 người con sinh năm 2024; Tiền án: Không.

Tiền sự: 01 tiền sự.

Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Số 01/QĐ-XPHC ngày 19/12/2023 của Công an xã P xử phạt Trần Thu T 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Chế Hồng P, sinh năm 2006; Số CCCD: 052306000164, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính - trật tự xã hội Địa chỉ: Số D, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Trần Vũ T2, sinh năm 1993; Số CCCD: 083093014872, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính - trật tự xã hội Địa chỉ: Số G, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

+ Châu Nhân C, sinh năm 1981; Số CCCD: 083081002210, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính - trật tự xã hội Địa chỉ: Số B, khu phố M, phường A, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

+ Trương Hoàng T3, sinh năm 1992; Số CCCD: 083092009076, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính - trật tự xã hội Địa chỉ: Số E, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

+ Hồ Thị Thúy L, sinh năm 1981; Số CCCD: 083181003068, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính - trật tự xã hội Địa chỉ: Số A, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ, ngày 19/01/2024, Trần Thu T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Vision, Biển số 71G1-075.37 đến nhà của Chế Hồng P, thuộc ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long) chơi. Khi đến nhà, T thấy P đang ngủ trong phòng, trên đầu giường có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 QT màu đỏ, ốp lưng màu trắng nên T nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại. Sau khi quan sát xung quanh thấy không có người T lén lút lấy trộm điện thoại rồi lên xe tẩu thoát. Lấy trộm xong, T đem điện thoại đến nhờ Trần Vũ T2 bán dùm, T không nói cho T2 biết điện thoại do trộm cắp mà có. T2 đem điện thoại đến tiệm điện thoại "Châu Iphone" do anh Châu Nhân C làm chủ bán được số tiền 4.500.000 đồng, T2 đưa T 500.000 đồng và mượn lại 4.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Sau khi phát hiện bị mất trộm, Chế Hồng P đến trình báo Công an xã P (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) để được giải quyết.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 QT, màu đỏ, IMEI: 353503751708229.

Kết luận định giá tài sản Số 382/KL- HĐĐG ngày 15/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản – Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 QT, màu đỏ được mua vào ngày 17 tháng 01 năm 2024 có giá trị là: 10.500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản Số 143/KL-HĐĐG ngày 27/01/2026, Hội đồng định giá tài sản xã T, tỉnh Vĩnh Long kết luận: Do tài sản cần định giá là 01 ốp lưng điện thoại di động không có nhãn hiệu, đã qua sử dụng, không xác định

được thời gian mua và giá bao nhiêu tiền; không rõ nguồn gốc xuất xứ, không hóa đơn mua bán và tài sản cần định giá chưa thu hồi được nên không đủ cơ sở để xác định giá trị.

Bị hại Chế Hồng P đã nhận lại điện thoại bị mất và không yêu cầu bị cáo Trần Thu T bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Châu Nhân C không yêu cầu bị cáo T và Trần Vũ T2 liên đới bồi thường số tiền mua điện thoại là 4.500.000 đồng.

Cáo trạng số 62/CT-VKSKV5 ngày 25/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long truy tố bị cáo Trần Thu T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Thu T từ 04 tháng đến 08 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 QT, màu đỏ và bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác; Châu Nhân C không yêu cầu bồi thường tiền đã mua điện thoại. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 48 Bộ Luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Buộc bị cáo T giao nộp số tiền 4.500.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước. Xử lý vật chứng: Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V đã trả lại Chế Hồng P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 QT, màu đỏ.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292; 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với biên bản sự việc và các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở xác định: Để có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 08 giờ, ngày 19/01/2024, tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long) Trần Thu T đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 QT của Ché Hồng P trị giá: 10.500.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Trần Thu T đã phạm “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Trên thực tế, bị cáo đã thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản như ý định của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nên cần phải được xử lý nghiêm và kịp thời.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy chưa được xóa tiền sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản đã được thu hồi); phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đang có thai; bị cáo có con nhỏ chưa thành niên được quy định tại điểm h, i, n, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội cùng với nhân thân xấu của bị cáo nên cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Chế Hồng P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 QT màu đỏ và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên ghi nhận.

- Ông Châu Nhân C không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã mua điện thoại là 4.500.000 đồng nên ghi nhận.

- Đối với số tiền 4.500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo giao nộp để nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 4.000.000 đồng Trần Vũ T2 mượn của bị cáo do đây là quan hệ pháp luật dân sự, bị cáo không yêu cầu giải quyết nên không xem xét xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Vision, Biển số 71G1-075.37 qua tra cứu do bà Hồ Thị Thúy L, sinh năm: 1981, đăng ký thường trú: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long đứng tên chủ sở hữu. Ngày 19/01/2024, T hỏi mượn xe trên từ Trương Hoàng T3 (con rể của bà L) để đi công việc. Sau khi mượn xe xong đến khoảng 18 giờ cùng ngày T trả lại xe trên cho T3 và T3 trả lại xe cho bà Hồ Thị Thúy L, hiện bà L đi đâu, làm gì không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V không thu giữ được xe trên.

[9] Quá trình điều tra xác định Trần Vũ T2 là người được bị cáo Trần Thu T nhờ bán điện thoại nhưng T2 không biết điện thoại trên do T trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V không xử lý T2 là phù hợp.

[10] Quá trình điều tra xác định Châu Nhân C là người mua điện thoại do Trần Vũ T2 bán nhưng C không biết điện thoại trên do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V không xử lý C là phù hợp.

[11] Quá trình điều tra xác định Trương Hoàng T3 là người cho T mượn xe mô tô nhãn hiệu Vision, Biển số 71G1-075.37 để đi công việc (qua tra cứu xe do bà Hồ Thị Thúy L đứng tên chủ sở hữu). T3 không biết T mượn xe trên để đi trộm cắp tài sản nên không xử lý Trương Hoàng T3 là phù hợp.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thu T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, n s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Thu T **06 (Sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 589; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận bị hại Chế Hồng P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 QT màu đỏ và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

- Ghi nhận ông Châu Nhân C không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã mua điện thoại là 4.500.000 đồng.

- Buộc bị cáo Trần Thu T giao nộp ngân sách nhà nước số tiền 4.500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính.

[3] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Trần Thu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

[4] Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- STP tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long (1b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Tiên Thủy (1b);
- Những người tham gia tố tụng (5b);
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền